

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 15/2026/DS-PT

Ngày 11/02/2026

Về việc “Tranh chấp tài sản dòng họ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu.

Các thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Tùng, Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11/02/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLPT - DS ngày 21/10/2025 về việc “Tranh chấp tài sản dòng họ” do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3), tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐPT-DS ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

- Các Nguyên đơn:

1. Chị [Nguyễn Thị H](#); Sinh năm: 1971; địa chỉ: [số nhà A, đường N, khối D N, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Số điện thoại: 0982767203 là Nguyên đơn đồng thời là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông [Nguyễn Viết H1](#) (Đã mất); Có mặt

2. Ông [Nguyễn Văn T](#); sinh năm: 1959; Địa chỉ: [Xóm L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) (đã mất);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông [Nguyễn Văn T](#): Bà [Trần Thị H2](#), sinh năm 1965; chị [Nguyễn Thị Hồng T1](#), sinh năm 1997 và anh [Nguyễn Ngọc Q](#), sinh năm 1998. Đều trú tại: [Xóm L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#). Vắng mặt và đều có đơn từ chối tham gia tố tụng.

3. Ông [Nguyễn Tiến H3](#); sinh năm: 1957; Địa chỉ: [Xóm L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt
4. Chị [Trần Thị N](#); sinh năm: 1966; địa chỉ: [Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt
5. Chị [Trần Thị T2](#); sinh năm: 1960; địa chỉ: [xóm T, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Bà [Thiều Thị T3](#); Sinh năm: 1944; Địa chỉ: [Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#). Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị [Nguyễn Thị H](#); sinh năm: 1979; địa chỉ: [Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông [Nguyễn Xuân H4](#) – Luật sư thuộc [công ty L4](#) – Chi nhánh miền trung; địa chỉ: [Số A đường L, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#). Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. [Ủy ban nhân dân xã Đ](#), tỉnh Hà Tĩnh - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của [UBND xã Đ](#) (cũ); Vắng mặt
2. Anh [Nguyễn Quang S](#); Sinh năm: 1972 và chị [Phan Thị H5](#); sinh năm: 1972; Điều có địa chỉ: [Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); [A Nguyễn Quang S](#) – có mặt; chị [Phan Thị H5](#) – vắng mặt.
3. Anh [Nguyễn Trường H6](#); Sinh năm: 1976; địa chỉ: [Số nhà G khu phố C, phường D, thành phố Hồ Chí Minh](#). Có mặt
4. Ông [Phạm Quang N1](#); Sinh năm: 1948; địa chỉ: [Khu tập thể B L, phường Đ, thành phố Hà Nội](#); Vắng mặt
5. Bà [Hò Thị H7](#); Sinh năm: 1944; địa chỉ: [Xóm K, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt
6. Ông [Trần Huy D](#); Sinh năm: 1973; địa chỉ: [Xóm L, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt.
7. Các ông, bà là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông [Nguyễn Viết H1](#) (Đã mất) ủy quyền cho chị [Nguyễn Thị H](#); Sinh năm: 1971; địa chỉ: [K N, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#) gồm:
 - [Nguyễn Thị M](#), Sinh năm: 1949, địa chỉ: [Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt
 - [Nguyễn Thị Lan H8](#), Sinh năm: 1970, Địa chỉ: [Tổ B B, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt

- [Nguyễn Thị H9](#), sinh năm: 1975, địa chỉ: [Xóm H, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt
- [Nguyễn Thị H10](#), sinh năm: 1978, địa chỉ: [Xóm S, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Vắng mặt
- [Nguyễn Việt H11](#), sinh năm: 1980, địa chỉ: [Xóm B, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có mặt
- [Nguyễn Thị Hồng H12](#), sinh năm: 1985, Địa chỉ: [Số E đường C, khu phố B H, phường P, thành phố Hồ Chí Minh](#); Vắng mặt
- [Nguyễn Thị Mai H13](#), sinh năm: 1986, địa chỉ: [Số E P, TDP P, xã Đ, thành phố Hải Phòng](#). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chỉ [Nguyễn Thị H](#) trình bày: Nhà thờ họ Lê (Họ ngoại) của chúng tôi đã được xây dựng cách đây gần 200 năm, trên một khu đất mà tổ tiên để lại thuộc [thôn B, xã X \(N là xã Đ\) huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Có phía Nam và phía tây giáp vườn ông [N1](#), Phía đông giáp vườn và nhà Bà [T3](#), Phía bắc giáp vườn bà [T4](#).

Trong khuôn viên đất tổ tiên để lại này được chia làm 4 phần: Phần đất hương hỏa (Đây là khuôn viên nhà thờ họ Lê có Chiều rộng (theo hướng đông - tây) là 10,5m, chiều dài là 24m (Theo hướng nam - bắc) Tổng diện tích khuôn viên nhà thờ và đất nhà thờ là: $10,5\text{m} \times 24\text{m} = 252\text{m}^2$). Phần đất của bà [C](#), phần đất của bà hai và phần đất của bà [B3](#) (Bà [C](#), Bà [H14](#) và bà [B3](#) là con của cụ [Lê Văn S1](#)).

Những năm 1980 bà [H14](#) và bà [B3](#) mất nên phần đất của hai bà được chuyển cho gia đình ông [M](#), bà [T5](#) (Nay phần đất này do ông [Phạm Quang N1](#) -Con trai của ông [M](#) bà [T5](#) sử dụng).

Phần đất của bà [C](#) để lại cho con gái là bà [Hà Thị T6](#) sử dụng.

Do các phần đất, trong đó có phần đất của nhà thờ Tổ Họ Lê, thờ các cụ, cùng chung 1 khuôn viên do các cụ để lại, nên có một con đường đi chung của cả 3 (Nhà bà [T6](#), nhà thờ tổ họ Lê và nhà bà [T5](#)).

Sau này nhà bà [T5](#) mở lối đi mới, con đường này chỉ có 2 nhà đi chung đó là nhà bà [T6](#) và nhà thờ Tổ họ Lê. Con đường đi vào nhà thờ có diện tích là $2,2\text{m} \times 14\text{m} = 30,8\text{m}^2$.

Sau này, việc xã lập hồ sơ địa chính; việc bà [Hà Thị T6](#) chuyển nhượng phần đất và nhà cửa của cha mẹ để lại cho bà [Thiều Thị T3](#) như thế nào chúng tôi không rõ.

Đến ngày 01/10/1996 gia đình bà [Thiều Thị T3](#) được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất mang tên [Thiều Thị T3](#), diện tích 300m^2 . Sau khi cấp GCNQSD đất, suốt cả thời gian dài bà [Thiều Thị T3](#) không có ý kiến gì về tài sản đất đai do nhà nước cấp là 300m^2 .

Từ đó đến năm 2018 nhà thờ Tổ họ Lê vẫn được con, cháu thường xuyên tôn tạo và dâng hương mỗi dịp giỗ các cụ, ngày tết, ngày rằm cũng như mỗi dịp con cháu về thăm quê.

Từ tết nguyên đán 2018 đến nay, gia đình bà [Thiều Thị T3](#) tự ý chiếm đoạt luôn nhà thờ họ Lê và ngăn cản không cho con cháu vào thắp hương tổ tiên nữa. Vì không muốn xảy ra xô xát làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương, từ đó đến nay mỗi khi giỗ, tết chúng tôi đành ngậm ngùi đưa đồ lên mộ các cụ để thắp hương, an ủi vong linh của các cụ.

Các căn cứ pháp lý từ 2014 đến nay:

- Tại báo cáo số 09/BC-KTXM ngày 14/03/2015 của [Ủy ban nhân dân xã X](#) (cũ) kiểm tra, xác minh vụ việc tranh chấp đất đai giữa dòng họ [L](#) và bà [Thiều Thị T3](#) đã đưa ra đánh giá, kết luận: “Qua kiểm tra hiện trạng thấy rằng ranh giới thửa đất vườn bà [T7](#) thị [T3](#) đang sử dụng có một nhà thờ dòng họ Lê đã xây dựng từ lâu đời trên thửa đất đó. Trong quá trình sử dụng bà [Thiều Thị T3](#) được nhà nước cấp giấy CNQSD đất với diện tích 300m². Khi cấp cán bộ chuyên môn đã căn cứ vào tờ khai của gia đình cũng như phần diện tích đất nhà thờ để cấp giấy CNQSD đất. Việc dòng họ [L](#) phản ánh có con đường đi vào nhà thờ là có cơ sở. Năm 1996 khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ bà [T3](#) chỉ cấp có 300 m², khẳng định diện tích đất nhà thờ đã được trừ ra, không nằm trong diện tích đã được cấp giấy CNQSD đất cho bà [T3](#). Khi hộ bà [T6](#) chuyển nhượng cho hộ bà [T3](#) không thể hiện chuyển diện tích đất nhà thờ.”

- Một số biên bản xác minh của công dân xác nhận có đường đi vào nhà thờ từ đường cái men theo dọc bờ ông bà [Hoàn M1](#) (Bà [Phan Thị N2](#), [Hồ Thị H7](#), [Thiều Thị C1](#), [Lê Đình N3](#))

Bị đơn [Thiều Thị T3](#) trình bày tại biên bản làm việc vào hồi 14 giờ ngày 12/01/2015: Tôi mua đất của bà [T6](#) có anh [Hà Văn H15](#) viết giấy bán (Ông [H15](#) là cháu rể chồng bà [T6](#)), bà [T4](#) và bà [B](#) đã xác nhận vào đơn. Năm 1996, làm sổ đỏ chúng tôi đưa giấy mua đất cho ông xóm trưởng để làm cơ sở làm sổ đỏ. Khi bà [T6](#) bán đất cho gia đình tôi là bán toàn bộ hết tất, bà [T6](#) nói: “Cô già rồi về với cháu còn lại nhà thờ thì ai muốn về thắp hương thì về, không có ai về thì nhờ cháu thắp hương cho cô”. Như vậy theo thừa nhận của bà [T3](#) thì bà [T6](#) chỉ bán các phần đất khác thuộc sở hữu của bà [T6](#) không bán đất nhà thờ và nhà thờ trên đất như nội dung trình bày của bà [T3](#) hiện nay.

Điều này chứng tỏ rằng giấy mua bán đất của bà [T6](#) cho bà [T3](#) là căn cứ để các cấp chính quyền cấp GCNQSD đất cho bà [T3](#) là 300m².

Lời của chị [H](#) (Con bà [T3](#)): “Ông [H1](#) đến đòi đất, đòi đường lần này là lần thứ 6, đến từ thời bố tôi đang còn sống, khi gia đình tôi xây bờ rào ông cũng đến, đến khi đo đạc, cấp GCNQSD đất ông cũng đến đòi”. Chính điều này đã khẳng định thêm lần nữa: Nhà Thờ, đất nhà Thờ, đường đi vào nhà thờ của dòng họ ngoại chúng tôi gia đình bà [Thiều Thị T3](#) đã lấn chiếm.

- Theo văn bản số 1296/UBND-TNMT về việc cấp GCNQSD đất cho bà [T7](#) thị Thân: Hiện trạng thửa đất 287, tờ bản đồ số 3 (Bản đồ 299 đo đạc năm 1985) với diện tích 700m², đã được cấp giấy chứng nhận cho bà [Thiều Thị T3](#) 300m². Hiện trạng thửa đất 287 nay được xác định thuộc thửa đất 369 tờ bản đồ số 24 với diện tích 619m² (Do đã 2 lần nhà nước mở đường) thửa đất có hai đối tượng sử dụng đất là: Đất thuộc hộ gia đình, cá nhân sử dụng (đất ở, đất vườn) và đất cộng đồng dân cư sử dụng (Đất nhà thờ họ). Cho nên, thửa đất bà [Thiều Thị T3](#) đang sử dụng nếu được nhà nước công nhận QSD đất thì phải trừ diện tích đất cộng đồng dân cư đang sử dụng và phải trừ phần diện tích mở đường.

Qua tất cả các biên bản xác minh, các văn bản của các cấp chính quyền thể hiện rõ: Đất nhà thờ, nhà thờ, đường đi vào nhà thờ là của dòng họ ngoại chúng tôi, gia đình bà [T3](#) đã lấn chiếm, chiếm đoạt.

- Trong bản tường trình lần 2 của bà [Thiều Thị T3](#) đính chính là cha đẻ của bà [Hà Thị T6](#) là ông [Hà Văn Q1](#) và bà [Nguyễn Thị N4](#) là không đúng sự thật. Tôi khẳng định bà [Hà Thị T6](#) sinh ngày 10/06/1908. Con ông: [Hà Văn P](#); con bà [Lê Thị S2](#) (Bà cả). Nội dung này đã được [Phòng C3](#) về TTXH trả lời Tòa án tại văn bản số 194 ngày 21/3/2023 cụ thể: Bà [Hà Thị T6](#); nguyên quán: [xã X \(N là Đan T8\)](#), [huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#); Họ tên cha: [Hà Văn P](#), họ tên mẹ: [Lê Thị S2](#); Số Chứng minh nhân dân 180393952 cấp ngày 23/08/1978 tại [Công an tỉnh N](#).

Từ những nội dung trên chúng tôi kính đề nghị Tòa án buộc gia đình bị đơn bà [Thiều Thị T3](#):

- Giao lại toàn bộ nhà thờ đã được xây dựng trên phần đất hương hỏa của tổ tiên họ [L](#) để lại cho con cháu nhà ngoại dòng họ Lê với diện tích sàn xây dựng theo kết quả thẩm định của Tòa án là 16,8m² và 01 sân bê tông có diện tích 6,6m².

- Tổng diện tích đất nhà thờ là 252 m², nhưng bên dòng họ ngoại của chúng tôi cũng chỉ tôn tạo lại nhà thờ để thờ cúng tổ tiên vào ngày giỗ của các cụ, ngày tết, ngày rằm. Vì thế tôi đề nghị: Tạm giao cho con cháu nhà ngoại dòng họ Lê phần đất hương hỏa của Tổ tiên theo kết quả thẩm định của Tòa án với diện tích 60,6m².

Chúng tôi là con cháu họ ngoại dòng họ Lê sẽ liên hệ trực tiếp với các cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà thờ Họ.

- Dỡ bỏ toàn bộ tường rào, dời dọn nhà xưởng và các công trình xây dựng trái pháp luật trên đất hương hỏa dòng họ Lê, đường đi vào nhà thờ họ Lê. Giao lại nguyên trạng đường đi vào nhà thờ tổ họ Lê có chiều rộng là 2,2m, chiều dài tính từ đường tỉnh lộ 546 đến phần đất được tạm giao giáp với hàng rào họ gia đình bà [Hoàn M1](#) (hiện giờ là bà [M2](#) - Báu) đang ở.

Bị đơn bà [Thiều Thị T3](#) và Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà [Thiều Thị T3](#) đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị [Nguyễn Thị H](#) trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

Thứ nhất, Thửa đất này trước khi tôi mua là đất của bà [Hà Thị T6](#) quê ở [xóm T](#). Năm 1970, tôi lấy ông [Nguyễn Quang L1](#) về ở tại khu tập thể Bệnh viện, đến năm 1980 vợ chồng tôi mua của bà [Hà Thị T6](#) không có chồng con thửa đất số 287 tờ bản đồ số 03 tại [Xóm B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) với giá 370 đồng. Khi mua có lập giấy tờ có sự tham gia của tôi, chồng tôi ông [Nguyễn Quang L1](#), bà [Hà Thị T6](#) và ông [Hà Văn H15](#) là cháu của bà [Hà Thị T6](#), sau đó đưa ra xã xác nhận. Gia đình tôi mua của bà [Hà Thị T6](#) của dòng họ [H16](#) chứ không liên quan gì đến dòng họ Lê. Năm 1980, gia đình ông [H1](#) cũng ở trong xóm cũng biết là gia đình tôi mua đất của bà [Hà Thị T6](#), tại sao lúc đó không sang nhận nhà thờ mà bây giờ mới đòi nhận lại nhà thờ. Hơn nữa những người khởi kiện đều mang họ Nguyễn và họ Trần không liên quan đến dòng họ Lê nên không có quyền khởi kiện để đòi lại tài sản từ gia đình chúng tôi.

Thứ hai, chúng tôi mua của bà [Hà Thị T6](#) sinh năm 1906 của họ [H16](#) (có cha là [Hà Văn Q1](#) mẹ là [Nguyễn Thị N4](#)) chứ không phải mua của bà [Hà Thị T6](#) sinh ngày 10/06/1908 (Con ông: [Hà Văn P](#); con bà [Lê Thị S2](#)) như nguyên đơn trình bày; bà [Hà Thị T6](#) không chồng không con có bố là ông [Hà Văn Q1](#) và mẹ bà [Nguyễn Thị N4](#), ông nội là [Hà Văn T9](#), bà nội là [Nguyễn Thị Á](#) tại [xóm T, xã Đ](#). Mồ mả của bà [Hà Thị T6](#) ông [Hà Văn Q1](#) và bà [Nguyễn Thị N4](#) ông nội là [Hà Văn T9](#), bà nội là [Nguyễn Thị Á](#) nằm trong khuôn viên dòng tộc họ [H16](#).

Thứ ba, gia đình chúng tôi mua đất từ năm 1981 đến năm 1985 và sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đến năm 1985, bản đồ 299 xác định thửa đất 287 tờ bản đồ số 03 có tổng diện tích 700m² mang tên [Nguyễn Quang L1](#). Đến năm 1986, sổ mục kê xác định thửa đất 287 tờ bản đồ số 03 có tổng diện tích 700m² mang tên [Nguyễn Quang L1](#) được sử dụng chính thức. Mặc dù thửa đất được sử dụng ổn định không có tranh chấp, không có quyết định thu hồi đất nhưng đến năm 1996 không biết dựa vào đâu mà UBND huyện chỉ cấp cho gia đình tôi 300m², ranh giới của thửa đất

vẫn ổn định. Đến năm 2014, khi tiến hành đo đạc lại đất thửa đất 287 thành thửa 369 thì diện tích được 619m² ít hơn so với trước đây 81m² lý do mở đường quốc lộ 8B.

Thứ tư, Trong Giấy bán nhà ngày 07/12/1981 giữa bà [Hà Thị T6](#) và bị đơn đã ghi rõ “Với hoàn cảnh của tôi hiện tại quá già yếu không có ai nương tựa trong tuổi già mình yếu nên tôi tự nghĩ phải về với cháu tôi để giữ mình già yếu của đời tôi. Do đó cho nên tài sản của tôi phải nhường lại cho một người khác. Hiện nay với sự thống nhất giữa tôi và anh [Nguyễn Quang L1](#) và cô [Thiều Thị T3](#) cả hai anh chị đều là người của đội và cùng là người trong xã thoát ly đi làm cách mạng nay được nhà nước cho về hưu. – Tài sản hiện có: 1) Nhà ở + bếp có gắn liền với nhà thờ”. Như vậy vào thời điểm năm 1981 khi lập Giấy bán nhà bà [Hà Thị T6](#) đã bán nhà thờ cho phía chúng tôi.

Đối với con đường đi vào nhà thờ trước đây có 01 con đường đi vào nhà bà [Hà Thị T6](#) rộng 1,5m và đi sang nhà thờ như nội dung tôi đã trình bày cũng như bản vẽ tôi nộp cho Tòa án và đã được Tòa án xem xét thẩm định.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ý kiến của anh [Nguyễn Quang S](#) và chị [Phan Thị H5](#): Đồng ý với quan điểm của bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn; ngoài ra xưởng cưa được vợ chồng làm vào năm 2002 hiện nay nguyên đơn yêu cầu dời dọn xưởng cưa để trả lại con đường chúng tôi không nhất trí vì đây là đất được mẹ chúng tôi là bà [T3](#) mua của bà [T6](#) là tài sản của bà [T3](#) nên chúng tôi có quyền làm xưởng cưa trên phần đất này.

- Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan [UBND xã Đ](#) (cũ): Giữ nguyên quan điểm theo văn bản số 77/CV-UBND của [UBND xã Đ](#) cụ thể: Về nguồn gốc, thời gian hình thành nhà thờ tại thửa đất số 287 tờ bản đồ số 03 bản đồ 299: Nhà thờ có nguồn gốc từ xa xưa, không ai xác định được mốc thời gian hình thành nhà thờ, nhà thờ nằm độc lập với nhà ở; Nhà thờ này dùng để thờ dòng họ [L](#); Về con đường đi vào nhà thờ: Trước đây, nhà thờ đi chung với đường đi vào nhà bà [T5](#). Vị trí hiện tại là chỗ xưởng cưa của con nhà bà [T3](#) với chiều rộng khoảng 2-3m. Sau khi có Giấy bán nhà là cơ sở để xem xét nguồn gốc lịch sử. Ngoài 300m² đã được cấp cho bà [Thiều Thị T3](#) có Giấy CNQSD đất còn có diện tích đất thừa và diện tích đất nhà thờ. Nếu không có tranh chấp thì phần diện tích đất thừa sẽ được cấp cho hộ gia đình. Còn đối với diện tích đất nhà thờ thì theo quyết định của Tòa án, địa phương sẽ cấp cho người đó.

- Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan [UBND huyện N](#) (cũ): Giữ nguyên quan điểm theo văn bản 1296/UBND-

TNMT ngày 02/10/2018: Hiện trạng thửa đất 287, tờ bản đồ số 3 (Bản đồ 299 đo đạc năm 1985) nay được xác định theo đo đạc bản đồ hiện trạng của [xã Đ](#) thuộc thửa đất số 369, tờ bản đồ số 65 với diện tích 619,3m². Bà [Thiều Thị T3](#) được Nhà nước công nhận QSD đất diện tích 619,3m² với điều kiện sử dụng ổn định, thửa đất không có tranh chấp sử dụng đất. Tuy nhiên, qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất thửa đất có hai đối tượng sử dụng đất là: Đất thuộc hộ gia đình, cá nhân sử dụng (Đất ở, đất vườn) và đất cộng đồng dân cư sử dụng (đất nhà thờ họ). Cho nên, thửa đất bà [Thiều Thị T3](#) đang sử dụng nếu được Nhà nước công nhận QSD đất thì phải trừ phần diện tích đất cộng đồng dân cư (đất nhà thờ họ, diện tích theo hiện trạng) và phải trừ phần diện tích mở đường. Phần đất còn lại thuộc về hộ gia đình cá nhân, cơ quan nhà nước không quản lý đối với diện tích đất này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DSST ngày 27/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh):

Áp dụng các Điều 158, 163, 164, 165, 166, 169, 211 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 160, Điều 203 Luật đất đai; Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Giao cho con cháu ngoại họ Lê ở [thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) được quản lý, sử dụng 01 nhà thờ có diện tích 16,8m² và 01 sân nhà thờ diện tích 6,6m² (Có sơ đồ kèm theo bản án).

- Tạm giao cho con cháu ngoại họ Lê ở [thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) diện tích đất 23,4m² (Có sơ đồ kèm theo). Khi bản án có hiệu lực pháp luật con cháu ngoại họ Lê ở [thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc gia đình bà [Thiều Thị T3](#), anh [Nguyễn Quang S](#) và chị [Phan Thị Hồng D1](#) dọn nhà xưởng; tháo dỡ 1,5m hàng rào phía Đông cạnh giáp đường tỉnh lộ 546 để mở 01 lối đi chung có chiều rộng 1,5m, trong đó: Phía Đông cạnh giáp đường tỉnh lộ 546 có chiều rộng 1,5m, cạnh giáp phần đất chưa sử dụng của thửa 369 tờ bản đồ số 24 bản đồ đo đạc năm 2014 có chiều dài 8,91m; Phía Nam giáp hàng rào hộ ông

[Nguyễn Văn B1](#) có chiều dài 15,59m; Phía Tây giáp phần đất chưa sử dụng của thửa 369 tờ bản đồ số 24 bản đồ đo đạc năm 2014 có chiều dài 10,28m; Phía Bắc giáp phần đất chưa sử dụng của thửa 369 tờ bản đồ số 24 bản đồ đo đạc năm 2014 có chiều dài 13,04m. Tổng diện tích của con đường chung đi vào nhà thờ là 36,8m² (Có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Công nhận sự tự nguyện của đương sự, nguyên đơn chịu toàn bộ số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự;

Trong hạn luật định, ngày 04/9/2024 nguyên đơn [Nguyễn Thị H](#) kháng cáo nội dung án sơ thẩm, đề nghị tòa cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

- Hủy bỏ một phần nội dung bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của TAND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh)
- Hủy bỏ giấy bán nhà mà bị đơn cung cấp vì không đủ cơ sở pháp lý.
- Buộc bị đơn:
 - + Trả lại phần đất hương hỏa mà tổ tiên họ Lê để lại theo yêu cầu của tôi trước tòa án sơ thẩm đó là thửa đất 719 với diện tích là 60,6m² để chúng tôi sửa chữa, tôn tạo lại nhà thờ;
 - + Trả lại nguyên trạng đường đi vào nhà thờ Tổ họ Lê với chiều rộng là 2,2m chứ không phải 1,5m như trả lời của bị đơn trước tòa.
 - + Dỡ bỏ tường rào, dọn dẹp nhà xưởng và các công trình xây dựng trái pháp luật trên đất hương hỏa dòng họ [L](#), đường đi vào nhà thờ Tổ họ Lê.

Ngày 28/8/2024 bị đơn [Thiều Thị T3](#) kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của các đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015: Không chấp nhận nội kháng cáo của nguyên đơn [Nguyễn Thị H](#); bị đơn [Thiều Thị T3](#). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của TAND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh);

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp tài sản dòng họ” là đúng quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân (nay là Tòa án khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh) theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chỉ cung cấp được thông tin về các thành viên của dòng họ là các đồng nguyên đơn trong vụ án. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao HĐXX chấp nhận đây là các thành viên của dòng họ. Quyền, nghĩa vụ của thành viên dòng họ chưa tham gia tố tụng sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2] Về nội dung vụ án và xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1] Về tài sản tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu: Văn bản số 77/CV-UBND ngày 12/6/2023 của [UBND xã Đ](#) (nay là [UBND xã Đ](#)) về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án (BL313 hồ sơ vụ án); Căn cứ vào các kết quả xác minh của Tòa án và trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì quá trình từ trước đến nay gia đình ông [Nguyễn Viết H1](#) (đã mất) và con cháu hàng năm đều về thắp hương tại nhà thờ cho đến năm 2018 thì bà [Thiều Thị T3](#) không cho vào thắp hương; Theo phong tục tập quán tại địa phương việc thờ cúng bố mẹ không làm thành nhà thờ riêng mà được thờ trong gia đình hơn nữa hiện nay bố mẹ bà [T6](#) đã được thờ cúng tại [nhà thờ dòng họ H18 ở thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh \(nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh\)](#); Kết quả xác minh thì trên địa bàn [xã Đ](#) các dòng họ đều có nhà thờ và nhà thờ đang tranh chấp không thuộc nhà thờ dòng họ nào khác; Bố mẹ bà [Hà Thị T6](#) hiện đang được thờ cúng tại nhà thờ dòng họ [H16](#) chứ không phải được thờ ở nhà thờ đang có tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm khẳng định nhà thờ đang tranh chấp là nhà thờ dòng họ Lê là có căn cứ.

[2.2] Về nội dung các đồng nguyên đơn có liên quan gì đối với dòng họ Lê

Quá trình giải quyết vụ án [UBND xã Đ](#) cung cấp thông tin của các nguyên đơn:

Ông [Nguyễn Viết H1](#) là con trai bà [Lê Thị E](#) (hay còn gọi là bà [B2](#); bà [Lê Thị E](#) có 2 người chồng và ông [H1](#) là con trai của người chồng thứ 2).

Ông [Nguyễn Văn T](#) là con trai bà [Phạm Thị B3](#), cháu ngoại bà [Lê Thị C2](#) (bà [B3](#)), chất ngoại cụ [Lê Văn S1](#) (gọi cụ [S3](#) bằng cố ngoại).

Ông [Nguyễn Tiên H3](#) là cháu nội bà [Phạm Thị B3](#), chất ngoại bà [Lê Thị C2](#) (bà [B3](#)), cháu ngoại cụ [Lê Văn S1](#).

Bà [Nguyễn Thị Hoài L2](#) con gái ông [Nguyễn Viết H1](#), cháu nội bà [Lê Thị E](#), chất ngoại cụ [Lê Văn S1](#) (gọi cụ [S1](#) bằng cố ngoại).

Bà [Trần Thị N](#) và bà [Trần Thị T2](#) là con gái bà [Phan Thị D2](#), cháu ngoại bà [Lê Thị E](#) (bà [Lê Thị E](#) có 2 người chồng và bà [Phan Thị D2](#) là con của người chồng đầu), chất ngoại Cụ [Lê Văn S1](#) (gọi cụ [S1](#) bằng cố ngoại).

Tại Giấy xác nhận thông tin trong lý lịch cán bộ của ông [Nguyễn Viết H1](#) đã được [công an tỉnh H](#) (Phòng PX01) xác nhận: ông [Nguyễn Viết H1](#) có ông ngoại là [Lê Văn T10](#) và bà ngoại [Lê Thị L3](#); cha đẻ là [Nguyễn Viết K](#), mẹ đẻ là [Lê Thị E](#). Từ đó có căn cứ khẳng định ông [Nguyễn Viết H1](#) và các đồng nguyên đơn là con cháu ngoại của dòng họ [L](#).

Theo trả lời của [UBND xã Đ](#) dòng họ theo phong tục tập quán tại địa phương là những người có chung họ và tại địa phương con cháu đều mang họ nội (họ của bố) không mang họ ngoại (họ mẹ). Những người khởi kiện đều là thành viên dòng họ [N5](#) và họ Trần có nhà thờ trên địa bàn; theo lời thừa nhận của người khởi kiện và kết quả xác minh tại tộc trưởng của dòng họ [N5](#) và họ Trần đều khẳng định những người người khởi kiện là thành viên của dòng họ và không thuộc thành viên dòng họ Lê. Tuy nhiên, con cháu có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ không phân biệt đó là gái hay trai. Nếu gia đình, dòng họ có con trai thì con trai, cháu chất bên nội sẽ đảm nhiệm việc thờ cúng chính, con gái vẫn phải có nghĩa vụ thấp hương thờ cúng. Còn đối với gia đình, dòng họ không có con trai thì việc thờ cúng tổ tiên sẽ do con gái và cháu chất ngoại đảm nhiệm thờ cúng. Như vậy đối với dòng họ [L](#) đến đời cụ [Lê Văn S1](#) thì không có con trai nên khi mất việc thờ cúng tổ tiên của dòng họ [L](#) là do các con gái và cháu chất ngoại của cụ đảm nhiệm. Hơn nữa con cháu ngoại cũng có một phần dòng máu nên việc thờ cúng tổ tiên và quản lý, sử dụng tài sản nhà thờ của các cụ để lại là phù hợp.

- Đối với bà [Hà Thị T6](#): Tại văn bản số 194/QLHC ngày 21/3/2023 Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ([P1](#)) [Công an tỉnh H](#) cung cấp thông tin: “Căn cứ vào tài liệu lưu tại tàng thư chứng minh nhân dân 9 số: Bà [Hà Thị T6](#); sinh ngày 10/6/1908; Nguyên quán: [xã X \(Nay là xã Đ\)](#), [huyện N](#), [tỉnh Hà Tĩnh](#); họ tên

cha: [Hà Văn P](#), họ tên mẹ: [Lê Thị S2](#); Số chứng minh nhân dân 180393952, cấp ngày 23/8/1978 tại [công an tỉnh N](#)"; Tại biên bản xác làm việc với ông [Hà Văn H17](#) là tộc trưởng dòng họ [H16](#) tại [xã Đ](#) cho biết “Ông [Nguyễn Viết H1](#) có mối quan hệ với bên ngoài của bà [Hà Thị T6](#), quá trình bà [T6](#) ốm đau cũng như khi mất thì ông [H1](#) cùng với anh em dòng họ [H16](#) là bên nội đứng ra chăm sóc lo công việc ma chay chôn cất”. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để khẳng định bà [Hà Thị T6](#) là con cháu đẳng ngoại của dòng họ [L](#) (mẹ là [Lê Thị S2](#)).

Từ những phân tích trên cần khẳng định các đồng nguyên đơn là cháu, chất ngoại của dòng họ [L](#) có quyền khởi kiện đòi lại tài sản dòng họ là phù hợp với quy định tại Điều 186 BLTTDS và Điều 2 Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao “Thành viên dòng họ là cá nhân trong dòng họ được xác định theo tập quán phổ biến, được thừa nhận nơi dòng họ tồn tại.”

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc giao nhà thờ và khuôn viên nhà thờ với tổng diện tích 60,6 m²

- Căn cứ Giấy bán nhà ngày 07/12/1981 giữa bà [Hà Thị T6](#) và bị đơn đã ghi rõ “Với hoàn cảnh của tôi hiện tại quá già yếu không có ai nương tựa trong tuổi già mình yếu nên tôi tự nghĩ phải về với cháu tôi để giữ mình già yếu của đời tôi. Do đó cho nên tài sản của tôi phải nhường lại cho một người khác. Hiện nay với sự thống nhất giữa tôi và anh [Nguyễn Quang L1](#) và cô [Thiều Thị T3](#) cả hai anh chị đều là người của đội và cùng là người trong xã thoát ly đi làm cách mạng nay được nhà nước cho về hưu. - Tài sản hiện có: 1) Nhà ở + bếp có gắn liền với nhà thờ”. Theo bị đơn bà [Thiều Thị T3](#) cho rằng: vào thời điểm năm 1981 khi lập Giấy bán nhà bà [Hà Thị T6](#) đã bán nhà thờ cho phía bị đơn. Tuy nhiên tại Giấy xin bán nhà ngày 07/12/1981 giữa bà [Hà Thị T6](#) và bị đơn đã ghi rõ “Trong sự thống nhất của tôi và anh [L1](#) là nhà thờ nằm nguyên” như vậy thấy rằng về ý chí của bà [Hà Thị T6](#) vào thời điểm lập Giấy xin bán nhà vào năm 1981 là không bán nhà thờ. Mặt khác, khuôn viên nhà thờ được sử dụng từ lâu, do các đồng nguyên đơn là con cháu bên ngoài nên việc thấp hương ở nhà thờ không thường xuyên. Do đó, có căn cứ để để xác định nhà thờ với diện tích 16,8m² cho con cháu bên ngoài của dòng họ Lê.

- Bị đơn cho rằng sân bê tông này là do phía bị đơn xây dựng để dùng làm nơi sinh hoạt hằng ngày nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về thời gian, người xây dựng. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thấy rằng trước nhà thờ có 01 sân nền láng xi măng xung quanh nền xây bằng gạch đỏ diện tích 6,6m²; Sân gắn liền với nhà thờ được xây vuông thành sắc cạnh, có bậc tam cấp đi vào nhà thờ; hai bên góc sân gắn liền nhà thờ có 02 ô đất trống được xây bằng gạch gắn liền với bậc tam cấp và nằm tách biệt hoàn toàn với khu nhà ở của bị đơn. Như vậy có thể

khẳng định sân bê tông này là tài sản gắn liền với nhà thờ không phải là tài sản của bị đơn như bị đơn đã trình bày. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao lại sân bê tông có diện tích 6,6m² cho con cháu bên ngoại của dòng họ Lê.

- Theo kết quả thẩm định xác định: phần đất tại thửa đất số 287 tờ bản đồ số 03 tại [Xóm B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) có diện tích 700m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/10/1996 cho bà [Thiều Thị T3](#) có diện tích 300m²; theo bản đồ 299, tờ bản đồ số 65 có diện tích 619,3 m² theo trả lời của [UBND huyện N](#) thì phần đất nhà thờ sẽ phải cấp đất cho nhà thờ, phần đất còn lại sẽ được cấp cho người đang sử dụng đất là bà [T3](#). Việc tạm giao đất nhà thờ cho các đồng nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật, nhưng các đồng nguyên đơn yêu cầu tạm giao toàn bộ diện tích đất 60,6m² là không phù hợp bởi: Căn cứ vào khuôn viên nhà thờ có từ trước tới nay; căn cứ vào Giấy tờ bán nhà giữa bà [T6](#) và bà [T3](#) đều không thể hiện khuôn viên nhà thờ có diện tích 60,6 m² ; mặt khác tại Giấy bán nhà ngày 07/12/1981 thể hiện giữ nguyên nhà thờ, không có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn; theo trả lời của [UBND huyện N](#) và [UBND xã Đ, huyện N](#) việc tạm giao đất chỉ trên cơ sở hiện trạng đã xây dựng nhà thờ. Nhà thờ là dùng vào việc thờ cúng ông bà tổ tiên hơn nữa như đã phân tích các yêu cầu khởi kiện ở trên thì con cháu ngoại họ Lê đã được giao nhà thờ và sân nhà thờ với tổng diện tích xây dựng là 23,4m² (16,8 m² đất nhà thờ và 6,6 m² sân bê tông). Do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về việc đề nghị giao 60,6 m² mà chỉ có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu của các đồng nguyên đơn tạm giao đất trên cơ sở hiện trạng xây dựng của nhà thờ và sân nhà thờ với tổng diện tích 23,4m².

[2.4]. Xét yêu cầu của đồng nguyên đơn về việc dỡ bỏ toàn bộ tường rào, dời dọn nhà xưởng và các công trình xây dựng trái pháp luật trên đất hương hỏa dòng họ Lê, đường đi vào nhà thờ họ [L](#); Giao lại nguyên trạng đường đi vào nhà thờ tổ họ Lê có chiều rộng là 2,2m

Tại Giấy bán nhà ngày 07/12/1981 giữa bà [Hà Thị T6](#) và bị đơn đã ghi rõ “*Trong sự thống nhất của tôi và anh [L1](#) là nhà thờ nằm nguyên. Với điều kiện hiện tại là cần phải có con đường vào nhà thờ để thắp hương vậy đó tôi và anh [L1](#) đã thỏa thuận để lại một con đường đi vào nhà thờ. Con đường đó ngoài ba cây mít “Tây ba cây mít”. Đường cho phép rộng ngang 0,50m. Dài từ bờ vào nhà thờ, khi làm đường xong con đường đó không được thiết lập cây cối và mọi sự xây dựng khác, chỉ trừ vợ chồng anh [L1](#) có quyền xây dựng và thiết lập cây cối chung quanh đó*”. Như vậy theo Giấy bán nhà ngày 07/12/1981 vào thời điểm bán nhà bà [T6](#) và bị đơn đã thỏa thuận đã mở 01 con đường vào nhà thờ với chiều rộng ngoài 03 cây mít đường rộng

0,5m. Tuy nhiên, hiện nay hiện trạng không còn 03 cây mít mà chỉ còn 01 gốc cây mít trước nhà thờ; hơn nữa hiện trạng của con đường đi vào nhà thờ đã không còn, kết quả xác minh đều không phản ánh chính xác chiều rộng của con đường đi vào nhà thờ. Tại biên bản thẩm định ngày 22/9/2023 bị đơn bà [Thiều Thị T3](#) đã xác định chiều rộng của con đường vào nhà bà [T6](#) và nhà thờ là 1,5m. Xét thấy chiều rộng con đường đi vào nhà thờ chiều rộng 1,5m như lời trình bày của bị đơn bà [Thiều Thị T3](#) đã đảm bảo việc đi lại, sinh hoạt thờ cúng vì vậy cần mở đường với chiều rộng đi vào nhà thờ là 1,5m (tổng diện tích dài 36,8m), con đường đi vào nhà thờ được mở sát với tường rào nhà ông [Nguyễn Văn B1](#).

Đối với yêu cầu tạm giao đất để mở đường, thấy rằng trước đây con đường đi vào nhà thờ là con đường chung, vì vậy cần mở đường để đi vào nhà thờ và con đường này được sử dụng chung cho gia đình bà [Thiều Thị T3](#) và nhà thờ là phù hợp.

Đối với yêu cầu dỡ bỏ toàn bộ tường rào, dời dọn nhà xưởng: Việc mở con đường để đi vào nhà thờ cần dời dọn xưởng của mà bà [T3](#) và vợ chồng con trai [Nguyễn Quang S](#) đã xây dựng và tường rào có chiều ngang 1,5m. Xét thấy việc xây dựng xưởng của vào năm 2002 và tường rào đã làm mất con đường đi vào nhà thờ vì vậy cần buộc bà [T3](#), anh [S](#) và vợ là chị Hồng dời dọn nhà xưởng, tháo dỡ đối với tường rào này và nguyên đơn không phải hoàn lại giá trị.

Từ những phân tích trên thấy rằng cấp sơ thẩm giải quyết giao cho con cháu ngoại họ Lê sử dụng 01 nhà thờ có diện tích 16,8m² và 01 sân nhà thờ diện tích 6,6m² (tổng 23,4m²) và sử dụng diện tích của con đường chung đi vào nhà thờ là 36,8m² là có cơ sở đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, đối với các nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đều không có căn cứ để chấp nhận. Tại cấp phúc thẩm các đương sự không cung cấp được các tài liệu gì mới cũng như không có căn cứ để chứng minh cho việc kháng cáo của mình là có cơ sở. Vì vậy, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đương sự.

[3] Về án phí:

Kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn [Nguyễn Thị H](#) phải chịu án phí DSPT theo quy định. Bị đơn [Thiều Thị T3](#) là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015:

Không chấp nhận nội kháng cáo của nguyên đơn [Nguyễn Thị H](#);

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn [Thiều Thị T3](#). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 của TAND huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh);

Áp dụng các Điều 158, 163, 164, 165, 166, 169, 211 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 160, Điều 203 Luật đất đai; Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Giao cho con cháu ngoại họ Lê ở [thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) được quản lý, sử dụng 01 nhà thờ có diện tích 16,8m² và 01 sân nhà thờ diện tích 6,6m² (Có sơ đồ kèm theo bản án).

- Tạm giao cho con cháu ngoại họ Lê ở [thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) diện tích đất 23,4m² (Có sơ đồ kèm theo). Khi bản án có hiệu lực pháp luật con cháu ngoại họ Lê ở [thôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc gia đình bà [Thiều Thị T3](#), anh [Nguyễn Quang S](#) và chị [Phan Thị Hồng D1](#) dọn nhà xưởng; tháo dỡ 1,5m hàng rào phía Đông cạnh giáp đường tỉnh lộ 546 để mở 01 lối đi chung có chiều rộng 1,5m, trong đó: Phía Đông cạnh giáp đường tỉnh lộ 546 có chiều rộng 1,5m, cạnh giáp phần đất chưa sử dụng của thửa 369 tờ bản đồ số 24 bản đồ đo đạc năm 2014 có chiều dài 8,91m; Phía Nam giáp hàng rào hộ ông [Nguyễn Văn B1](#) có chiều dài 15,59m; Phía Tây giáp phần đất chưa sử dụng của thửa 369 tờ bản đồ số 24 bản đồ đo đạc năm 2014 có chiều dài 10,28m; Phía Bắc giáp phần đất chưa sử dụng của thửa 369 tờ bản đồ số 24 bản đồ đo đạc năm 2014 có chiều dài 13,04m. Tổng diện tích của con đường chung đi vào nhà thờ là 36,8m².

2. Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Công nhận sự tự nguyện của đương sự, nguyên đơn chịu toàn bộ số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

3. Về án phí: Nguyên đơn [Nguyễn Thị H](#) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai số

0006671 ngày 20/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân (nay thuộc Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh);

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bị đơn bà [Thiều Thị T3](#).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Thị Lệ Thu